TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2019/DS -PT
Ngày: 14-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T V, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn:

- Chị Võ Bích N, sinh năm 1976 (có mặt).

- Anh Lê Thanh B, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị Hồng P, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xét xử vắng mặt).

- Chị Bùi Lệ Xuân D, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: 110/5 D T,

phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xét xử vắng mặt).

- Chị Lê Anh T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Chị Võ Bích N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T V trình bày:

Chị V và vợ chồng chị N là bạn bè rất thân với nhau đã 10 năm nay. Chị V có vay dùm cho chị N tổng cộng các lần như sau:

- Lần đầu vào ngày 01-10-2017, chị V có vay của chị Đinh Thị Hồng P 20.000.000 đồng đưa cho chị N, thỏa thuận thời hạn trả 01 tháng, không tính lãi suất.

- Lần 2 vào ngày 15-10-2017, chị V có vay cuả chị Phúc 20.000.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày sẽ trả, không tính lãi.

- Lần thứ 3 vào ngày 24-01-2018, chị V vay của chị Bùi Lê Xuân D để đưa cho chị N số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10.000 đồng/ngày/một triệu đồng; thời hạn trả 03 tháng. Đối với số tiền này chị N có trả được 15.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần thứ 4 cũng vào ngày 24-01-2018, chị V vay của chị Lê Anh T đưa cho chị N 50.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất 8.000 đồng/ngày/một triệu đồng; thỏa thuận 03 tháng sẽ trả; chị N trả được 4.000.000 đồng tiền lãi. Cả 04 lần giao tiền này chị N đều viết giấy nợ đưa cho chị V giữ.

- Lần thứ 5 vào ngày 12-4-2018, chị V vay của chị D để đưa cho chị N số tiền 47.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 8.000 đồng/ngày/một triệu đồng; thời hạn vay 03 tháng. Do lúc chị V đưa tiền cho chị N đã tối nên chị N không viết giấy nợ cho chị V.

Do đến hạn, chị N không có tiền đưa cho chị V trả cho các chủ nợ nên chị V phải trả nợ thay cho chị N vào ngày 07-5-2018, cụ thể trả cho chị P 40.000.000 đồng, trả cho chị T 50.000.000 đồng, trả cho chị D 200.000.000 đồng và tiền lãi như thỏa thuận ban đầu.

Mục đích vay tiền của chị N là để nhập hàng bán vào dịp tết và đi du lịch Singapore. Phần tiền chị N nhờ chị V vay giùm là để dùng chung cho gia đình nên là nợ chung của vợ chồng chị N. Mỗi lần chị V giao tiền cho chị N là đưa tại nhà chị N nên gia đình của chị N đều biết.

Chị V yêu cầu chị N, anh B trả cho chị V số tiền 287.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị N anh B trả số

tiền gốc 240.000.000 đồng và tiền lãi suất tính tính từ ngày 03-02-2018 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Chị V rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền 47.000.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Võ Bích N trình bày:

Chị N thừa nhận các lần vay tiền 1, 2, 3, 4 như lời trình bày của chị V là đúng. Chị N không thừa nhận lần vay thứ 5 vào ngày 12-4-2018 như chị V trình bày vì chị N không vay số tiền 47.000.000 đồng. Đối với số tiền 40.000.000 đồng mà chị N vay vào các ngày 01-10-2017 và 15-10-2017, chị N đã trả xong cho chị V nhưng chị V không có đưa giấy nợ lại cho chị và chị N cũng không có chứng cứ trả số tiền này. Chị N trả tiền lãi cho chị V cứ 10 ngày số tiền 19.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày 01-5-2018 thì ngừng trả tiền lãi do chị N không có khả năng trả tiếp. Chị N đưa tiền lãi cho chị V không có làm giấy nhưng nhân viên của chị N tên là Duy, Ni, Th và T (con chị) chứng kiến.

Ngoài ra, chị N không có trả số tiền gốc nào cho chị V tiếp. Mục đích vay tiền để trả nợ cho người khác nhưng thời gian đã lâu chị N không nhớ trả cho ai. Do chị vay tiền của người khác lãi suất mỗi tháng 20% quá cao nên chị có hỏi chị V vay giùm chỗ nào lãi suất thấp để trả phần tiền lãi cao. Chị vay tiền của những người này để trả lương cho nhân viên và làm vốn buôn bán quán cà phê.

Chị N thừa nhận tổng số tiền nợ gốc chị vay của chị V là 240.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chị N đã trả lãi rất nhiều cho chị V nên chị N chỉ đồng ý trả cho chị V 100.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lê Thanh B (chồng chị N): Đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt các văn bản và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến của anh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Lê Xuân D:* Chị cho chị V vay 02 lần. Lần đầu cho vay số tiền 150.000.000 đồng, lần thứ 2 số tiền 50.000.000 đồng. Khi hỏi vay tiền chị V có nói là vay giùm cho người khác nhưng không nói vay giùm ai. Sau này, chị mới biết là vay giùm cho bà N (là mợ dâu của chị). Hiện nay, chị V đã trả xong cho chị 200.000.000 đồng nên chị không có yêu cầu trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Hồng P trình bày:* Chị Phúc và chị V là chỗ sui gia với nhau nên chị V có vay của chị Phúc số tiền 40.000.000 đồng là vay giùm cho người khác nhưng chị Phúc không biết vay giùm ai. Hiện chị V đã trả xong số nợ 40.000.000 đồng nên chị Phúc không yêu cầu trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Anh T trình bày*: Chị có cho chị V vay số tiền 50.000.000 đồng là vay giùm cho người khác nhưng chị không biết vay giùm cho ai. Hiện chị V đã trả cho chị xong số nợ 50.000.000 đồng nên chị không có yêu cầu trong vụ án này.

Tại Bản án số: 08/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T V tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Võ Bích N, anh Lê Thanh B.

Buộc chị Võ Bích N, anh Lê Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T V số tiền gốc và lãi suất là 250.415.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T V đối với số tiền 47.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, bị đơn – chị Võ Bích N kháng cáo với nội dung: Do chị N đã trả tiền lãi suất cho chị V quá nhiều so với tiền nợ gốc, lãi suất lên đến 30%/tháng nên chị N chỉ đồng ý trả cho chị V số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về số tiền vay: Chị V yêu cầu chị N trả tiền nợ gốc 240.000.000 đồng, chị N xác định có nợ chị V số tiền gốc 240.000.000 đồng phù hợp với chứng cứ là các Giấy nợ ngày 01-10-2017, 15-10-2017, 24-01-2018, 24-01-2018. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận là sự thật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Võ Bích N giữ nguyên kháng cáo không chấp nhận trả cho chị Nguyễn Thị T V số tiền 250.415.000 đồng, chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng.

Chị N kháng cáo cho rằng do chị đã trả tiền lãi với lãi suất lên đến 30%/tháng, nhưng chị N không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh việc trả tiền lãi như chị trình bày.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, buộc vợ chồng chị N, anh B phải trả số tiền gốc 240.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 03/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2019 (14 tháng 23 ngày) với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là 29.415.000 đồng, khấu trừ 19.000.000 đồng tiền lãi chi V đã nhận, chị N, anh B còn phải trả tiền lãi 10.415.000 đồng. Tổng cộng chị N, anh B phải trả cho chị V nợ gốc và lãi là 250.415.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách khách quan, áp dụng đúng pháp luật, quyết định phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, những lý lẽ của kháng cáo là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn – chị Võ Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của chị N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Bích N.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T V đối với chị Võ Bích N, anh Lê Thanh B.

Buộc chị Võ Bích N, anh Lê Thanh B cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T V số tiền gốc và lãi là 250.415.000 (Hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị N, anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T V đối với số tiền 47.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Võ Bích N, anh Lê Thanh B phải chịu 12.521.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị T V không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng hoàn trả cho chị V 7.175.000 đồng (Bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0016550 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Võ Bích N phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0017130 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS h. Trảng Bàng;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tông